PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 4

Các số trong phạm vi lớp triệu · Làm tròn số · sách Kết nối tri thức

Tuần 6

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Nối số với cách đọc

1. 12 000 000	●	●	a. một triệu hai trăm nghìn
2. 1 200 000	●	●	b. bốn mươi triệu
3. 3 200 000	●	●	c. mười hai triệu
4. 40 000 000	●	●	d. ba triệu hai trăm nghìn

Bài 2: Làm tròn số đến hàng trăm nghìn

1 321 959 ≈ ..... 3 254 176 ≈ ..... 4 362 215 ≈ .....

4 183 995 ≈ ..... 4 691 655 ≈ ..... 4 517 328 ≈ .....

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Giá trị của chữ số 6 trong số 6 156 918 là:

(A) 60 (B) 600 (C) 60 000 (D) 6 000

2. Số gồm 5 triệu, 3 trăm nghìn và 8 nghìn là:

(A) 5 300 800 (B) 5 038 000 (C) 5 380 000 (D) 5 308 000

Bài 4: Điền dấu >, <, =

7 700 022 ☐ 7 700 522 8 639 302 ☐ 8 639 322 2 650 697 ☐ 2 655 697

3 236 965 ☐ 3 236 665 4 671 788 ☐ 4 671 838 2 720 030 ☐ 2 720 030

Bài 5: Giải bài toán

1. Năm ngoái, tỉnh A có 2 385 640 người, tỉnh B có 1 947 300 người. Làm tròn số dân mỗi tỉnh đến hàng trăm nghìn. Tỉnh nào đông dân hơn?

.....

.....

.....

onthi.app
Ôn thi · phiếu bài tập miễn phí · có đáp án

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 4

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 6

Bài 1: Nối số với cách đọc

1 – **c** 2 – **a** 3 – **d** 4 – **b**

Bài 2: Làm tròn số đến hàng trăm nghìn

1 321 959 ≈ **1 300 000** 3 254 176 ≈ **3 300 000** 4 362 215 ≈ **4 400 000**

4 183 995 ≈ **4 200 000** 4 691 655 ≈ **4 700 000** 4 517 328 ≈ **4 500 000**

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. **D** (6 000) 2. **D** (5 308 000)

Bài 4: Điền dấu >, <, =

7 700 022 < 7 700 522 8 639 302 < 8 639 322 2 650 697 < 2 655 697

3 236 965 > 3 236 665 4 671 788 < 4 671 838 2 720 030 = 2 720 030

Bài 5: Giải bài toán

1. Tỉnh A ≈ 2 400 000 người; tỉnh B ≈ 1 900 000 người. Vì 2 385 640 > 1 947 300 nên tỉnh A đông dân hơn. Đáp số: Tỉnh A đông dân hơn.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án